

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10/3/2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, chia tài sản
chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tam;
2. Ông Nguyễn Thành Lil.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 311/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/12/2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022, thông báo dời phiên tòa số: 02/TB-TA ngày 24/02/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Tỷ A, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: ấp H, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang; (có mặt)
- Bị đơn: Chị Phan Ngọc T, sinh năm 2002; địa chỉ cư trú: khóm A, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang; (có mặt)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đồng Thị T, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: ấp H, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Nguyễn Văn Tỷ A trình bày:

Về hôn nhân: Giữa anh Nguyễn Văn Tỷ A với chị Phan Ngọc T quen biết nhau, yêu thương nhau trước được cha mẹ hai bên đồng ý, hai người cưới nhau vào tháng 01 năm 2021 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã T, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 04, ngày 20/01/2021. Vợ

chồng sống hạnh phúc được 02 tháng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường hay xảy ra sung đột sống không có hạnh phúc. Anh Tỷ A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sống không có hạnh phúc, yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa hai người chưa có con.

- Về tài sản chung: Anh Tỷ A thừa nhận. Vợ chồng có tài sản chung do cha, mẹ anh Tỷ A cho trong ngày lễ hỏi gồm: 01 đôi bông tai vàng 24k trọng lượng 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 24k trọng lượng 01 lượng, 01 lắc đeo tay vàng 24k trọng lượng 01 lượng, 01 cái vòng đeo tay vàng 24k trọng lượng 01 lượng, 01 bộ vòng simen 18k (07 chiếc) trọng lượng 01 lượng, ngoài ra cha, mẹ anh Tỷ A mua cho vợ chồng chiếc xe honda hiệu SH mang biển số 67H1-78833 do chị T đứng tên, chiếc xe hiện do chị T đang quản lý.

Anh Tỷ A thừa nhận khi vợ chồng không còn sống chung thì anh quản lý toàn bộ số vàng trên tổng cộng là 3,1 lượng vàng 24k và 01 lượng vàng 18 k. Do buồn chán nên anh đã bán tiêu xài hết không còn. Trường hợp phải chia vàng thì anh yêu cầu cộng giá trị chiếc xe chị T đang quản lý cùng với vàng để chia.

- Về nợ chung: Không có.

** Chị Phan Ngọc Tuyên trình bày:*

- Về hôn nhân: Giữa chị T với Tỷ A quen biết nhau, yêu thương nhau trước được cha mẹ hai bên đồng ý, hai người cưới nhau vào tháng 01 năm 2021 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã T, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 04, ngày 20/01/2021. Vợ chồng sống hạnh phúc được 02 tháng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường hay xảy ra sung đột sống không có hạnh phúc, một phần là do cha chồng để tủ quần áo trong phòng vợ chồng và cha chồng thường tới lui lấy đồ, chị nói với anh Tỷ A thì xảy ra cự cãi. Chị T bỏ về cha mẹ ruột sinh sống anh Tỷ A về sống chung cùng chị đến tháng 11/2021 thì không còn sống chung. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sống không có hạnh phúc, chị T thống nhất ly hôn với anh Tỷ A.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa hai người chưa có con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung do cha, mẹ anh Tỷ A cho trong ngày lễ hỏi gồm: 01 đôi bông tai vàng 24k trọng lượng 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 24k trọng lượng 01 lượng, 01 lắc đeo tay vàng 24k trọng lượng 01 lượng, 01 cái vòng đeo tay vàng 24k trọng lượng 01 lượng, 01 bộ vòng simen 18k (07 chiếc) trọng lượng 01 lượng, ngoài ra cha, mẹ anh Tỷ A mua cho vợ chồng chiếc xe honda hiệu SH mang biển số 67H1-78833 do chị T đứng tên, chiếc xe hiện do chị T đang quản lý.

Chị T yêu cầu độc lập. Yêu cầu bà Đồng Thị T là mẹ chồng trả lại vợ, chồng chị toàn bộ số nữ trang trên gồm 3,1 lượng vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k với lý do khi đi chị gửi lại cho bà T quản lý. Nay chị T xác định anh Tỷ A đang quản lý. Chị T xin rút lại yêu cầu đối với bà T và yêu cầu anh Tỷ A chia đôi toàn bộ tài sản chung của vợ chồng gồm vàng cưới và xe honda hiệu SH chị T đang quản lý.

- Về nợ chung: Không có.

Anh Tỷ A với chị T thống nhất 02 người định giá theo giá thị trường hiện nay vàng 24k giá 51.000.000 đồng /lượng x 3,1 lượng = 158.100.000 đồng; vàng 18k giá 31.000.000 đồng/lượng = 31.000.000 đồng; chiếc xe honda hiệu SH mang biển số 67H1- 78833 do chị T đứng tên trị giá 70.000.000 đồng. Tổng cộng tài sản chung là 259.100.000 đồng.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đồng Thị T trình bày:* Tài sản chung của vợ chồng Tỷ A và T do vợ chồng bà cho trong ngày lễ đính hôn gồm: 01 đôi bông tai vàng 24k trọng lượng 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 24k trọng lượng 01 lượng, 01 lắc đeo tay vàng 24k trọng lượng 01 lượng, 01 cái vòng đeo tay vàng 24k trọng lượng 01 lượng, 01 bộ vòng simen 18k (07 chiếc) trọng lượng 01 lượng, toàn bộ số vàng trên do vợ chồng Tuyên và Tỷ A quản lý kể cả chiếc xe honda hiệu SH mang biển số 67H1- 78833 do chị T đứng tên. Bà T không quản lý vàng của vợ chồng chị T.

Toà án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thành.

Hội đồng xét xử công bố biên bản định giá tài sản ngày 07/3/2022 của Hội đồng định giá thị xã Tân Châu. Khảo sát giá vàng theo giá thị trường ngày 09/3/2022.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Tỷ A và chị Phan Ngọc T giữ nguyên yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn Tỷ A và chị Phan Ngọc T xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, Anh Nguyễn Văn Tỷ A với chị Phan Ngọc T có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, nay anh, chị thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa hai người.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn Tỷ A với chị Phan Ngọc T chưa có con chung nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Anh Tỷ A với chị T có tài sản chung tổng cộng 3,1 lượng vàng 24k và 01 lượng vàng 18 k là nữ trang cho trong ngày cưới và chiếc xe hon da. Theo kết quả định giá xe hon da trị giá 65.000.000 đồng, theo phiếu khóa xát giá vàng theo giá thị trường thì vàng 24k có giá 5.580.000 đồng/chỉ và vàng 18k có giá 3.560.000 đồng/chỉ. Tổng giá trị tài sản chung là 268.000.000 đồng chia đôi mỗi người được 134.000.000 đồng. Chị T sở hữu xe hon da. Anh tỷ A sở hữu 31 chỉ vàng 24k và 10 vàng 18k, anh Tỷ A hoàn trả cho chị T giá trị tài sản trên lịch kê cả 01 chỉ vàng là đôi bông tai (không chia)

Công nhận chị T tự nguyện chịu chi phí định giá tài sản

Đề nghị đình chỉ phần chị T xin rút lại yêu cầu đối với bà Đồng Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn Tỷ A khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, chia tài sản chung” với Chị Phan Ngọc T , sinh năm 2002; địa chỉ cư trú: khóm A, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Về nội dung:

[2] Về hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Tỷ A với chị Phan Ngọc T quen biết nhau, yêu thương nhau trước được cha mẹ hai bên đồng ý, hai người cưới nhau vào tháng 01 năm 2021 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 04, ngày 20/01/2021. Vợ chồng sống hạnh phúc được đến ngày 20/11/2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường hay xảy ra sung đột sống không có hạnh phúc. Anh Tỷ A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sống không có hạnh phúc, yêu cầu được ly hôn với chị T.

Chị T cho rằng tình cảm giữa chị với anh Tỷ A không còn, chị T đồng ý ly hôn với anh Tỷ A.

Như vậy cho thấy về tình cảm giữa anh Tỷ A với chị T đã mâu thuẫn nghiêm trọng, sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay anh Tỷ A với chị T thống nhất thuận tình ly hôn nhau. Xét thấy hợp lý được Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Tỷ A với chị T.

[3] Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa anh Nguyễn Văn Tỷ A với chị Phan Ngọc T chưa có con chung nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh Tỷ A với chị Phan Ngọc T thống nhất. Vợ chồng có tài sản chung do cha, mẹ anh Tỷ A cho trong ngày lễ hỏi gồm: 01 đôi bông tai vàng 24k trọng lượng 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 24k trọng lượng 01 lượng, 01 lắc đeo tay vàng 24k trọng lượng 01 lượng, 01 cái vòng đeo tay vàng 24k trọng lượng 01 lượng, 01 bộ vòng simen 18k (07 chiếc) trọng lượng 01 lượng, ngoài ra cha, mẹ anh Tỷ A mua cho vợ chồng chiếc xe hon da hiệu SH mang biển số 67H1- 78833 do chị T đứng tên, chiếc xe hiện do chị T đang quản lý.

Anh Tỷ A thừa nhận khi vợ chồng không còn sống chung thì anh quản lý toàn bộ số vàng trên tổng cộng là 3,1 lượng vàng 24k và 01 lượng vàng 18 k. Do buồn chán nên anh đã bán tiêu xài hết không còn. Trường hợp phải chia vàng thì anh yêu cầu cộng giá trị chiếc xe chị T đang quản lý cùng với vàng để chia.

Trong biên bản hòa giải giữa anh Tỷ A với chị T đã tự định giá tài sản với nhau. Nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Tòa án đã tiến hành thành lập Hội đồng định giá để định giá chiếc xe hon da và khóa sát giá vàng theo giá thị trường hiện nay.

Theo kết quả định giá tại biên bản định giá ngày 07/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản Tân Châu đã định. Chiếc xe hon da nhãn hiệu SH MODE, số máy: JK01E0110694; số khung: RLHJK 0112 MJ 605225; màu sơn: Đen bạc; mang biển số 67H1- 78833 do chị Phan Ngọc T đứng tên và đang quản lý.

- Giá trị thực tế là: 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng chẵn).

- Tại biên bản khóa sát giá vàng ngày 09/3/2022, tại tiệm vàng Đồng Khánh, Trung tâm thương mại thị xã Tân Châu có giá như sau:

- + Vàng 24k (loại vàng nữ trang) mua vào 5.580.000 đồng/chỉ X 31 chỉ = 172.900.000 đồng;

- + Vàng 18k (loại vàng nữ trang) mua vào 3.560.000 đồng/chỉ X 10 chỉ = 35.600.000 đồng.

Theo quy định tài sản chung của vợ chồng, khi ly hôn chia đôi nhưng có xét công sức đóng góp của các bên. Như thừa nhận của đôi đôi thì tài sản cho trong ngày lễ hỏi. Như vậy được xác định là tài sản chung của vợ chồng, khi ly hôn thì chia đôi. Đối với đôi bông đeo tai là “hoa” của người phụ nữ, khi ly hôn không được chia. Do đó anh Tỷ A phải trả lại cho chị T đôi bông tai. Phần tài sản còn lại cộng chung chia đôi, phần vàng anh Tỷ A quản lý, anh Tỷ A cho rằng khi ly thân anh đã tự bán tiêu xài hết, anh Tỷ A phải tự chịu trách nhiệm với tài sản mà mình quản lý.

Như vậy tổng tài sản chung của vợ chồng gồm vàng 18k 01 lượng bằng 35.600.000 đồng + 30 chỉ vàng 24k bằng 167.400.000 đồng + chiếc xe SH 65.000.000 đồng = 268.000.000 đồng chia đôi mỗi người được 134.000.000 đồng.

Số tiền chị Tuyền được chia là 134.000.000 đồng – chiếc xe honda SH chị T đang giữ giá 65.000.000 đồng + đôi bông đeo tai 01 chỉ anh Tỷ A quản lý 5.580.000 đồng vậy anh Tỷ A phải hoàn trả ngược lại cho chị Tuyền 74.580.000 đồng.

Chị Phan Ngọc T được sở hữu chiếc xe honda nhãn hiệu SH MODE, số máy: JK01E0110694; số khung: RLHJK 0112 MJ 605225; màu sơn: Đen bạc; mang biển số 67H1- 78833 do chị Phan Ngọc T đứng tên.

Anh Tỷ A được sở hữu 31 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k là nữ trang, hiện anh Tỷ A quản lý.

- Về nợ chung: Không có. Không đặt ra giải quyết.

- Chị Phan Ngọc T đã chi tạm ứng 400.000 đồng tiền chi phí định giá. Tại phiên tòa hôm nay chị T tự nguyện chịu 400.000 đồng mà chị tạm ứng. Xét thấy sự tự nguyện của chị T là hợp lý được Hội đồng xét xử công nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Tỷ A với chị Phan Ngọc T mỗi người phải chịu 150.000 đồng

Về án phí chia tài sản mỗi người phải chịu tương ứng với phần tài sản mình được hưởng cụ thể:

Anh Nguyễn Văn Tỷ A phải chịu 6.979.000 đồng (trong đó có án phí 01 chỉ vàng bông tai trả lại cho chị T) vậy tổng cộng anh Tỷ A phải chịu 7.129.000 đồng. Anh Tỷ A được chuyển 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006048 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu. Anh Tỷ A còn phải nộp 6.829.000 đồng (sáu triệu tám trăm hai mươi chín nghìn đồng chẵn).

Chị Phan Ngọc T phải chịu 6.700.000 đồng án phí chia tài sản, tổng cộng chị T phải chịu 6.850.000 đồng, chị T được chuyển 3.284.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0005966 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu. Chị T còn phải nộp 3.566.000 đồng (ba triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn)

Bà Đồng Thị T không phải chịu tiền án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 33 Điều 50 khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 273, điểm a khoản 2 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Tỷ A với chị Phan Ngọc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 04, ngày 20/01/2021 do UBND Phường T, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho anh Nguyễn Văn Tỷ A và chị Phan Ngọc T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn Tỷ A với chị Phan Ngọc T chưa có con chung.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Tỷ A được sở hữu 31 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k (nữ trang mà anh Tỷ A quản lý) là tài sản chung của vợ chồng được cha mẹ cho trong ngày lễ hỏi (đính hôn)

Anh Nguyễn Văn Tỷ A phải hoàn trả lại cho chị T 74.580.000 đồng (bảy mươi bốn triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng chẵn) giá trị tài sản chia trên lệch .

- Chị Phan Ngọc T được sở hữu chiếc xe hon da nhãn hiệu SH MODE, số máy: JK01E0110694; số khung: RLHJK 0112 MJ 605225; màu sơn: Đen bạc; mang biển số 67H1- 78833 do chị Phan Ngọc T đứng tên và đang quản lý.

- Đình chỉ của chị Phan Ngọc T yêu cầu bà Đồng Thị T trả lại 3,1 lượng vàng 24k và 01 lượng vàng 18k.

- Công nhận sự tự nguyện của chị Phan Ngọc T tự nguyện chịu 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng tiền chi phí định giá (chị T đã chi xong)

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Tỷ A với chị Phan Ngọc T mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân.

Tổng cộng anh Tỷ A phải chịu án phí hôn nhân và chia tài sản là 7.129.000 đồng. Anh Tỷ A được chuyển 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006048 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu. Anh Tỷ A còn phải nộp 6.829.000 đồng (sáu triệu tám trăm hai mươi chín nghìn đồng chẵn).

Chị Phan Ngọc T phải chịu 6.700.000 đồng án phí chia tài sản, tổng cộng chị T phải chịu 6.850.000 đồng, chị T được chuyển 3.284.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0005966 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu. Chị T còn phải nộp 3.566.000 đồng (ba triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn)

Bà Đồng Thị T không phải chịu tiền án.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- Các đương sự;
- UBND phường Long Thạnh
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh